

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 279/2026/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2026.

Bãi bỏ các nội dung liên quan đến thủ tục hành chính công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam (cấp tỉnh, mã số: 1.004889) và thủ tục hành chính công nhận bằng cử nhân, bằng thạc sĩ, bằng tiến sĩ và văn bằng trình độ tương đương do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam (cấp trung ương, mã số: 1.000915) tại Quyết định số 2761/QĐ-BGDĐT ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Hệ thống văn bằng, chứng chỉ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Các sở GDĐT;
- Các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp;
- Các cơ sở tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp;
- Công thông tin điện tử của Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, VP (KSTTH), Cục QLCL.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Phạm Ngọc Thưởng

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC
VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

(Kèm theo Quyết định số **2710**/QĐ-BGDĐT ngày **15** tháng **9** năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

**1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi
chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

TT	Mã số TTHC trên Cổng DVCQG	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp Trung ương					
1	1.000915	Công nhận văn bằng của giáo dục nghề nghiệp và văn bằng của giáo dục đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	Thông tư số 65/2026/TT- BGDĐT ngày 11/8/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Văn bằng, chứng chỉ	Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo
B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1	1.004889	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	Thông tư số 65/2026/TT- BGDĐT ngày 11/8/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Văn bằng, chứng chỉ	Sở Giáo dục và Đào tạo



PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. Thủ tục hành chính cấp Trung ương

I. Lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ

1. Công nhận văn bằng của giáo dục nghề nghiệp và văn bằng của giáo dục đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam

1.1. Trình tự thực hiện

a) Người đề nghị công nhận văn bằng cung cấp các thông tin quy định tại *Phiếu đề nghị công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 65/2026/TT-BGDĐT ngày 11/8/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo* hạn hành quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam (đính kèm Quyết định này) và tải hồ sơ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia và thực hiện thanh toán phí theo quy định. Đối với các thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia thì người đề nghị công nhận văn bằng không phải nộp bản giấy hoặc bản chứng thực điện tử.

b) Trường hợp người đề nghị công nhận văn bằng có văn bằng, bảng điểm dạng số hoặc văn bằng, bảng điểm dạng điện tử hoặc có thông tin xác thực trực tiếp được gửi từ cơ sở giáo dục cấp bằng hoặc cơ quan có thẩm quyền xác thực văn bằng đến cho cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng thì tải lên Cổng Dịch vụ công quốc gia bản quét (scan) các thành phần hồ sơ quy định tại *điểm b, điểm c mục 1.3.1* (không cần chứng thực điện tử từ bản chính). Trường hợp văn bằng có ngôn ngữ bằng tiếng Anh thì tải lên Cổng Dịch vụ công quốc gia bản quét (scan) các thành phần hồ sơ quy định tại *điểm b, điểm c mục 1.3.1* mà không cần bản dịch sang tiếng Việt hoặc tải bản chứng thực điện tử các thành phần hồ sơ quy định tại *điểm c, điểm d mục 1.3.1* (nếu có).

c) Trường hợp người đề nghị công nhận văn bằng không có thông tin, minh chứng để xác thực trực tiếp thì tải lên Cổng Dịch vụ công quốc gia bản chứng thực điện tử từ bản chính các thành phần hồ sơ quy định tại *mục 1.3.1 hoặc gửi bản giấy (trừ văn bản ủy quyền xác minh thông tin về văn bằng không cần thực hiện chứng thực bản sao điện tử)*.

d) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ thời điểm hồ sơ được tiếp nhận đầy đủ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng trả kết quả công nhận văn bằng cho người đề nghị. Trường hợp cần xác minh thông tin từ cơ sở giáo dục nước ngoài hoặc làm rõ về các thông tin liên quan đến văn bằng, thời hạn trả kết quả công nhận không vượt quá 30 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

đ) Kết quả công nhận văn bằng được ghi trên giấy công nhận văn bằng. Giấy công nhận văn bằng được thể hiện dưới dạng văn bản giấy, văn bản điện tử hoặc văn bản số và có giá trị như nhau. Giấy công nhận văn bằng theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 65/2026/TT-BGDĐT. Trường hợp văn bằng đủ điều kiện công nhận nhưng có thời gian đào tạo không tương thích với trình độ đào tạo của Việt Nam hoặc không xác định được mức độ tương đương với các bậc trình độ của Khung trình độ quốc gia Việt Nam thì trên Giấy công nhận văn bằng cung cấp thông tin liên quan đến văn bằng theo hệ thống giáo dục của nước cấp bằng.

1.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

1.3.1. Thành phần hồ sơ

a) Phiếu đề nghị công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp (theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 65/2026/TT-BGDĐT, đính kèm Quyết định này).

b) Bản sao văn bằng hoặc xác nhận cấp văn bằng đề nghị công nhận kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có chứng thực chữ ký người dịch.

c) Bản sao phụ lục văn bằng (trừ các trang giới thiệu về hệ thống giáo dục của nước cấp bằng) hoặc bảng kết quả học tập kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có chứng thực chữ ký người dịch.

d) Bản sao hợp lệ văn bằng, chứng chỉ có liên quan trực tiếp.

đ) Dữ liệu xuất nhập cảnh trong thời gian học ở nước ngoài trích xuất từ Ứng dụng định danh điện tử (VNeID) hoặc hệ thống dịch vụ công quốc gia và bản sao thị thực nhập cảnh nước đi học. Trường hợp chưa có các dữ liệu trên thì nộp bản sao hợp lệ văn bản thể hiện thời gian học ở nước ngoài: hộ chiếu, các trang hộ chiếu có thị thực, dấu xuất nhập cảnh phù hợp với thời gian du học; xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về thông tin xuất nhập cảnh; quyết định cử đi học và tiếp nhận của đơn vị quản lý lao động ở cấp Bộ (nếu có) hoặc giấy tờ minh chứng khác thể hiện rõ thời gian học ở nước ngoài.

e) Văn bản ủy quyền xác minh thông tin về văn bằng.

1.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc, trường hợp cần xác minh thông tin từ cơ sở giáo dục nước ngoài hoặc làm rõ về các thông tin liên quan đến văn bằng, thời hạn trả kết quả công nhận không vượt quá 30 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: người có văn bằng giáo dục nghề nghiệp và văn bằng giáo dục đại học; tổ chức sử dụng lao động khi có sự đồng ý của người có văn bằng.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy công nhận văn bằng.

1.8. Phí, lệ phí: Quy định tại Thông tư số 164/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xác minh giấy tờ, tài liệu để công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp cho người Việt Nam:

1.8.1. Xác minh để công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam cấp (bao gồm cả chương trình liên kết đào tạo giữa cơ sở giáo dục Việt Nam và cơ sở giáo dục nước ngoài do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng) là 250.000 đồng/văn bằng.

1.8.2. Xác minh để công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài hợp pháp cấp sau khi hoàn thành chương trình đào tạo ở nước ngoài là 500.000 đồng/văn bằng.

1.9. Mẫu đơn: Phiếu đề nghị công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp (theo Mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 65/2026/TT-BGDĐT, đính kèm theo Quyết định này).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1.10.1. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài hoạt động hợp pháp, có chương trình giáo dục bảo đảm chất lượng cấp cho người học được công nhận khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Cơ sở giáo dục cấp văn bằng được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước nơi đặt trụ sở chính cho phép đào tạo và cho phép cấp văn bằng đề nghị công nhận.

b) Cơ sở giáo dục cấp văn bằng được tổ chức có thẩm quyền kiểm định chất lượng giáo dục của nước nơi cơ sở giáo dục đặt trụ sở chính kiểm định chất lượng và văn bằng đề nghị công nhận được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước nơi cơ sở giáo dục đặt trụ sở chính công nhận.

c) Chương trình giáo dục được tổ chức có thẩm quyền kiểm định chất lượng giáo dục của nước nơi cơ sở giáo dục đặt trụ sở chính kiểm định chất lượng hoặc được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước nơi đặt trụ sở chính cho phép

đào tạo và văn bằng đề nghị công nhận được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước nơi cơ sở giáo dục đặt trụ sở chính công nhận.

1.10.2. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp khi người học học tập trực tiếp tại nước nơi cơ sở giáo dục đặt trụ sở chính được công nhận nếu đáp ứng quy định tại mục 1.10.1.

1.10.3. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài có hoạt động giáo dục, đào tạo, liên kết giáo dục, liên kết đào tạo hoặc mở phân hiệu tại Việt Nam cấp được công nhận khi hoạt động giáo dục, đào tạo được triển khai hợp pháp tại Việt Nam, đáp ứng điều kiện về phê duyệt chương trình, tuyển sinh, thời lượng chương trình và các điều kiện khác theo quy định pháp luật tại thời điểm thực hiện chương trình để cấp văn bằng, đồng thời đáp ứng quy định tại mục 1.10.1.

1.10.4. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài có hoạt động giáo dục, đào tạo, liên kết giáo dục, liên kết đào tạo hoặc có phân hiệu tại nước khác nơi đặt trụ sở chính (không bao gồm Việt Nam) được công nhận nếu đáp ứng quy định tại mục 1.10.1 và một trong các điều kiện sau:

a) Cơ sở giáo dục thực hiện hoạt động giáo dục, đào tạo (sau đây gọi là cơ sở đào tạo) được cơ quan có thẩm quyền của nước nơi thực hiện hoạt động giáo dục, đào tạo công nhận chất lượng hoặc được cơ quan có thẩm quyền về kiểm định chất lượng giáo dục của nước nơi thực hiện hoạt động giáo dục, đào tạo kiểm định chất lượng.

b) Cơ sở đào tạo được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước nơi thực hiện hoạt động giáo dục, đào tạo cho phép hoạt động giáo dục, đào tạo hoặc cho phép cấp bằng.

c) Chương trình giáo dục được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước nơi thực hiện hoạt động giáo dục, đào tạo cho phép thực hiện hoặc được cơ quan có thẩm quyền về kiểm định chất lượng giáo dục của nước nơi thực hiện hoạt động giáo dục, đào tạo kiểm định chất lượng.

1.10.5. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp đối với chương trình giáo dục thực hiện theo phương thức từ xa (trực tuyến, trực tuyến kết hợp trực tiếp hoặc được thực hiện kết hợp giữa phương thức đào tạo từ xa qua mạng máy tính và viễn thông, thư tín, phát thanh - truyền hình...) được công nhận khi đáp ứng quy định tại mục 1.10.1, đồng thời người học khi lưu trú và học tập tại nước nào thì chương trình giáo dục phải được cấp có thẩm quyền về giáo dục của nước đó cho phép thực hiện.

1.10.6. Văn bằng giáo dục nghề nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được công nhận khi đáp ứng quy định tại mục 1.10.1 và một trong các điều kiện quy định tại mục 1.10.2, 1.10.3, 1.10.4, 1.10.5 tương ứng với các phương thức

đào tạo; đồng thời bảo đảm tương đương về điều kiện trình độ tuyển đầu vào, tương thích về thời lượng học tập tính theo năm học hoặc theo số tín chỉ tích lũy ở cuối khóa học theo quy định của các bậc trình độ Việt Nam.

1.10.7. Bằng tiến sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp theo phương thức đào tạo trực tiếp tại cơ sở giáo dục nước ngoài và thực hiện nghiên cứu thực địa tại nước khác được công nhận khi văn bằng đáp ứng quy định tại mục 1.10.1 và thời gian học tập, nghiên cứu trực tiếp tại cơ sở đào tạo tối thiểu 12 tháng trong toàn khóa học.

1.10.8. Bằng tiến sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp theo hình thức công nhận kết quả nghiên cứu, công trình khoa học đã có được công nhận khi đáp ứng quy định tại mục 1.10.1 và các điều kiện sau:

a) Người học có người hướng dẫn khoa học, hoàn thành đầy đủ các yêu cầu học thuật của chương trình đào tạo tiến sĩ và thực hiện bảo vệ luận án trước hội đồng học thuật theo quy định của cơ sở đào tạo.

b) Cơ sở đào tạo xác nhận các kết quả nghiên cứu, công trình khoa học đã có như một phần của chương trình đào tạo tiến sĩ và kết quả học tập, nghiên cứu đáp ứng chuẩn đầu ra của chuẩn chương trình đào tạo tiến sĩ thuộc ngành, lĩnh vực tương ứng của Việt Nam.

1.10.9. Việc công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp cho người học bị ảnh hưởng bởi chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, các trường hợp bất khả kháng và các trường hợp đặc thù khác do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định khi kết quả học tập, nghiên cứu đáp ứng chuẩn đầu ra của chuẩn chương trình đào tạo thuộc ngành, lĩnh vực tương ứng của Việt Nam.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư số 65/2026/TT-BGDĐT ngày 11/8/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam.



MẪU PHIẾU ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN VĂN BẰNG
DO CƠ SỞ GIÁO DỤC NƯỚC NGOÀI CẤP

(Kèm theo Thông tư số 65/2026/TT-BGDĐT
ngày 11 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHIẾU ĐỀ NGHỊ
Công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp

I. Thông tin của người có văn bằng

Họ và tên (người có văn bằng):
Sinh ngày ... tháng.... năm..... Giới tính:
Số định danh cá nhân:
Thẻ căn cước/Hộ chiếu số:
cấp ngày ... tháng ... năm; nơi cấp.....
Địa chỉ liên hệ:
Số điện thoại:..... Email:.....

II. Thông tin văn bằng (*)

Trình độ đào tạo:.....
Tên cơ sở cấp văn bằng:
Tên cơ sở thực hiện đào tạo (nếu khác với cơ sở cấp văn bằng):
.....
Văn bằng cấp ngày ... tháng... năm
Phương thức/Hình thức đào tạo (trực tiếp tại nước ngoài, liên kết tại..., trực
tuyến tại..., trực tuyến kết hợp trực tiếp tại...):.....
Thời gian đào tạo (ghi cụ thể thời gian đào tạo tại cơ sở đào tạo hoặc cơ sở cấp
văn bằng): từ tháng...../năm.....đến tháng...../năm.....
Lĩnh vực/ngành/chuyên ngành đào tạo (nếu có):.....

III. Minh chứng xác thực văn bằng

(Đường dẫn trang điện tử có tên người có văn bằng, luận án hoặc các minh chứng
xác thực khác).....
Tôi xin cam đoan các nội dung trình bày trên đều đúng sự thật, nếu sai tôi xin
chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Ngày tháng... năm...
Người đề nghị
Chữ ký (**)

Ghi chú:

(*) Nếu đề nghị công nhận từ 02 văn bằng trở lên, ghi rõ nội dung của mục II
theo từng văn bằng.

(**) Nếu khai thông tin biểu mẫu điện tử trên Cổng Dịch vụ công quốc gia thì
không yêu cầu chữ ký.



B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

I. Lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ

1. Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam

1.1. Trình tự thực hiện

a) Người đề nghị công nhận văn bằng cung cấp các thông tin quy định tại *Phiếu đề nghị công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 65/2026/TT-BGDĐT ngày 11/8/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo* hạn hành quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam (đính kèm theo Quyết định này) và tải hồ sơ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia và thực hiện thanh toán phí theo quy định. Đối với các thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia thì người đề nghị công nhận văn bằng không phải nộp bản giấy hoặc bản chứng thực điện tử.

b) Trường hợp người đề nghị công nhận văn bằng có văn bằng, bằng điểm dạng số hoặc văn bằng, bằng điểm dạng điện tử hoặc có thông tin xác thực trực tiếp được gửi từ cơ sở giáo dục cấp bằng hoặc cơ quan có thẩm quyền xác thực văn bằng đến cho cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng thì tải lên Cổng Dịch vụ công quốc gia bản quét (scan) các thành phần hồ sơ quy định tại *điểm b, điểm c mục 1.3.1* (không cần chứng thực điện tử từ bản chính). Trường hợp văn bằng có ngôn ngữ bằng tiếng Anh thì tải lên Cổng Dịch vụ công quốc gia bản quét (scan) các thành phần hồ sơ quy định tại *điểm b, điểm c mục 1.3.1* mà không cần bản dịch sang tiếng Việt hoặc tải bản chứng thực điện tử các thành phần hồ sơ quy định tại *điểm c, điểm d mục 1.3.1* (nếu có).

c) Trường hợp người đề nghị công nhận văn bằng không có thông tin, minh chứng để xác thực trực tiếp thì tải lên Cổng Dịch vụ công quốc gia bản chứng thực điện tử từ bản chính các thành phần hồ sơ quy định tại *mục 1.3.1* hoặc gửi bản giấy (trừ văn bản ủy quyền xác minh thông tin về văn bằng không cần thực hiện chứng thực bản sao điện tử).

d) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ thời điểm hồ sơ được tiếp nhận đầy đủ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng trả kết quả công nhận văn bằng cho người đề nghị. Trường hợp cần xác minh thông tin từ cơ sở giáo dục nước ngoài hoặc làm rõ về các thông tin liên quan đến văn bằng, thời hạn trả kết quả công nhận không vượt quá 30 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

đ) Kết quả công nhận văn bằng được ghi trên giấy công nhận văn bằng. Giấy công nhận văn bằng được thể hiện dưới dạng văn bản giấy, văn bản điện tử hoặc văn bản số và có giá trị như nhau. Giấy công nhận văn bằng theo mẫu quy định tại *Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 65/2026/TT-BGDĐT*. Trường hợp văn bằng đủ điều kiện công nhận nhưng có thời gian đào tạo không tương thích với trình độ đào tạo của Việt Nam hoặc không xác định được mức độ tương đương với

các bậc trình độ của Khung trình độ quốc gia Việt Nam thì trên Giấy công nhận văn bằng cung cấp thông tin liên quan đến văn bằng theo hệ thống giáo dục của nước cấp bằng.

1.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

1.3.1. Thành phần hồ sơ

a) *Phiếu đề nghị công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp (theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 65/2026/TT-BGDĐT, đính kèm theo Quyết định này).*

b) *Bản sao văn bằng hoặc xác nhận cấp văn bằng đề nghị công nhận kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có chứng thực chữ ký người dịch.*

c) *Bản sao phụ lục văn bằng (trừ các trang giới thiệu về hệ thống giáo dục của nước cấp bằng) hoặc bảng kết quả học tập kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có chứng thực chữ ký người dịch.*

d) *Bản sao hợp lệ văn bằng, chứng chỉ có liên quan trực tiếp.*

đ) *Dữ liệu xuất nhập cảnh trong thời gian học ở nước ngoài trích xuất từ Ứng dụng định danh điện tử (VNeID) hoặc hệ thống dịch vụ công quốc gia và bản sao thị thực nhập cảnh nước đi học. Trường hợp chưa có các dữ liệu trên thì nộp bản sao hợp lệ văn bản thể hiện thời gian học ở nước ngoài: hộ chiếu, các trang hộ chiếu có thị thực, dấu xuất nhập cảnh phù hợp với thời gian du học; xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về thông tin xuất nhập cảnh; quyết định cử đi học và tiếp nhận của đơn vị quản lý lao động ở cấp Bộ (nếu có) hoặc giấy tờ minh chứng khác thể hiện rõ thời gian học ở nước ngoài.*

e) *Văn bản ủy quyền xác minh thông tin về văn bằng.*

1.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc, *trường hợp cần xác minh thông tin từ cơ sở giáo dục nước ngoài hoặc làm rõ về các thông tin liên quan đến văn bằng, thời hạn trả kết quả công nhận không vượt quá 30 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.*

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: người có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông; tổ chức sử dụng lao động khi có sự đồng ý của người có văn bằng.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giáo dục và Đào tạo

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy công nhận văn bằng.

1.8. Phí, lệ phí: Quy định tại Thông tư số 164/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và



sử dụng phí xác minh giấy tờ, tài liệu để công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp cho người Việt Nam:

1.8.1 Xác minh để công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam cấp (bao gồm cả chương trình liên kết đào tạo giữa cơ sở giáo dục Việt Nam và cơ sở giáo dục nước ngoài do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng) là 250.000 đồng/văn bằng.

1.8.2 Xác minh để công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài hợp pháp cấp sau khi hoàn thành chương trình đào tạo ở nước ngoài là 500.000 đồng/văn bằng.

1.9. Mẫu đơn: Phiếu đề nghị công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp (theo Mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 65/2026/TT-BGDĐT, đính kèm theo Quyết định này).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1.10.1. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài hoạt động hợp pháp, có chương trình giáo dục bảo đảm chất lượng cấp cho người học được công nhận khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Cơ sở giáo dục cấp văn bằng được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước nơi đặt trụ sở chính cho phép đào tạo và cho phép cấp văn bằng đề nghị công nhận.

b) Cơ sở giáo dục cấp văn bằng được tổ chức có thẩm quyền kiểm định chất lượng giáo dục của nước nơi cơ sở giáo dục đặt trụ sở chính kiểm định chất lượng và văn bằng đề nghị công nhận được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước nơi cơ sở giáo dục đặt trụ sở chính công nhận.

c) Chương trình giáo dục được tổ chức có thẩm quyền kiểm định chất lượng giáo dục của nước nơi cơ sở giáo dục đặt trụ sở chính kiểm định chất lượng hoặc được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước nơi đặt trụ sở chính cho phép đào tạo và văn bằng đề nghị công nhận được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước nơi cơ sở giáo dục đặt trụ sở chính công nhận.

1.10.2. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp khi người học học tập trực tiếp tại nước nơi cơ sở giáo dục đặt trụ sở chính được công nhận nếu đáp ứng quy định mục 1.10.1.

1.10.3. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài có hoạt động giáo dục, đào tạo, liên kết giáo dục, liên kết đào tạo hoặc mở phân hiệu tại Việt Nam cấp được công nhận khi hoạt động giáo dục, đào tạo được triển khai hợp pháp tại Việt Nam, đáp ứng điều kiện về phê duyệt chương trình, tuyển sinh, thời lượng chương trình và các điều kiện khác theo quy định pháp luật tại thời điểm thực hiện chương trình để cấp văn bằng, đồng thời đáp ứng quy định tại mục 2.10.1.

1.10.4. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài có hoạt động giáo dục, đào tạo, liên kết giáo dục, liên kết đào tạo hoặc có phân hiệu tại nước khác nơi đặt trụ

sở chính (không bao gồm Việt Nam) được công nhận nếu đáp ứng quy định tại mục 1.10.1 và một trong các điều kiện sau:

a) Cơ sở giáo dục thực hiện hoạt động giáo dục, đào tạo (sau đây gọi là cơ sở đào tạo) được cơ quan có thẩm quyền của nước nơi thực hiện hoạt động giáo dục, đào tạo công nhận chất lượng hoặc được cơ quan có thẩm quyền về kiểm định chất lượng giáo dục của nước nơi thực hiện hoạt động giáo dục, đào tạo kiểm định chất lượng;

b) Cơ sở đào tạo được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước nơi thực hiện hoạt động giáo dục, đào tạo cho phép hoạt động giáo dục, đào tạo hoặc cho phép cấp bằng;

c) Chương trình giáo dục được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước nơi thực hiện hoạt động giáo dục, đào tạo cho phép thực hiện hoặc được cơ quan có thẩm quyền về kiểm định chất lượng giáo dục của nước nơi thực hiện hoạt động giáo dục, đào tạo kiểm định chất lượng.

1.10.5. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp đối với chương trình giáo dục thực hiện theo phương thức từ xa (trực tuyến, trực tuyến kết hợp trực tiếp hoặc được thực hiện kết hợp giữa phương thức đào tạo từ xa qua mạng máy tính và viễn thông, thư tín, phát thanh - truyền hình...) được công nhận khi đáp ứng quy định tại mục 1.10.1, đồng thời người học khi lưu trú và học tập tại nước nào thì chương trình giáo dục phải được cấp có thẩm quyền về giáo dục của nước đó cho phép thực hiện.

2.10.6. Việc công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp cho người học bị ảnh hưởng bởi chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, các trường hợp bất khả kháng và các trường hợp đặc thù khác do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định khi kết quả học tập, nghiên cứu đáp ứng chuẩn đầu ra của chuẩn chương trình đào tạo thuộc ngành, lĩnh vực tương ứng của Việt Nam.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư số 65/2026/TT-BGDĐT ngày 11/8/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam.

**MẪU PHIẾU ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN VĂN BẰNG
DO CƠ SỞ GIÁO DỤC NƯỚC NGOÀI CẤP**

(Kèm theo Thông tư số 65/2026/TT-BGDĐT
ngày 11 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**PHIẾU ĐỀ NGHỊ
Công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp**

I. Thông tin của người có văn bằng

Họ và tên (người có văn bằng):
Sinh ngày ... tháng ... năm Giới tính:
Số định danh cá nhân:
Thẻ căn cước/Hộ chiếu số:
cấp ngày ... tháng ... năm; nơi cấp:
Địa chỉ liên hệ:
Số điện thoại: Email:

II. Thông tin văn bằng (*)

Trình độ đào tạo:
Tên cơ sở cấp văn bằng:
Tên cơ sở thực hiện đào tạo (nếu khác với cơ sở cấp văn bằng):
.....
Văn bằng cấp ngày ... tháng ... năm
Phương thức/Hình thức đào tạo (trực tiếp tại nước ngoài, liên kết tại..., trực
tuyến tại..., trực tuyến kết hợp trực tiếp tại...):
Thời gian đào tạo (ghi cụ thể thời gian đào tạo tại cơ sở đào tạo hoặc cơ sở cấp
văn bằng): từ tháng...../năm.....đến tháng...../năm.....
Lĩnh vực/ngành/chuyên ngành đào tạo (nếu có):

III. Minh chứng xác thực văn bằng

(Đường dẫn trang điện tử có tên người có văn bằng, luận án hoặc các minh chứng
xác thực khác).....

Tôi xin cam đoan các nội dung trình bày trên đều đúng sự thật, nếu sai tôi xin
chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Ngày tháng ... năm...

Người đề nghị

Chữ ký (**)

Ghi chú:

(*) Nếu đề nghị công nhận từ 02 văn bằng trở lên, ghi rõ nội dung của mục II
theo từng văn bằng.

(**) Nếu khai thông tin biểu mẫu điện tử trên Cổng Dịch vụ công quốc gia thì
không yêu cầu chữ ký.

